CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP 382 Đông Anh

Ngày 31/12/2024	4,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-3.6%
YoY: +/-▼ 0.0%

ROE
2024
40.7%
YoY: +/-▼ 31.7%

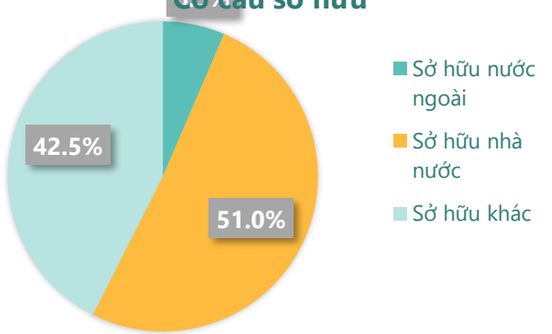
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 7,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5
Số lượng CPLH (CP)	1,004,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	6.5%
Beta	0.33
EPS	
P/E	

DT thuần
2024
38.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.70| 4.8%

LN thuần
2024
-2.37
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.38| 36.7%

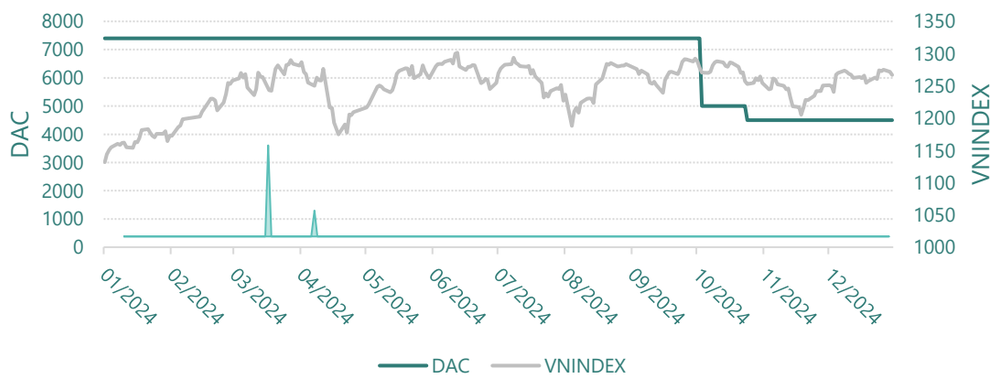
LN sau thuế
2024
-1.95
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.08| 3.8%

Cơ cấu sở hữu

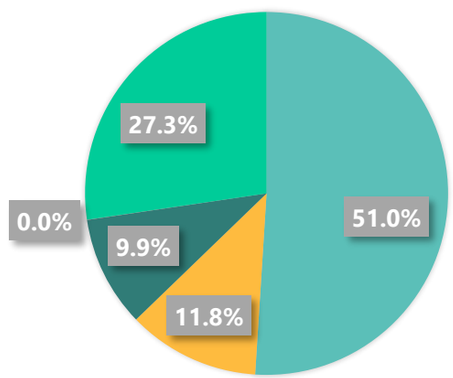


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

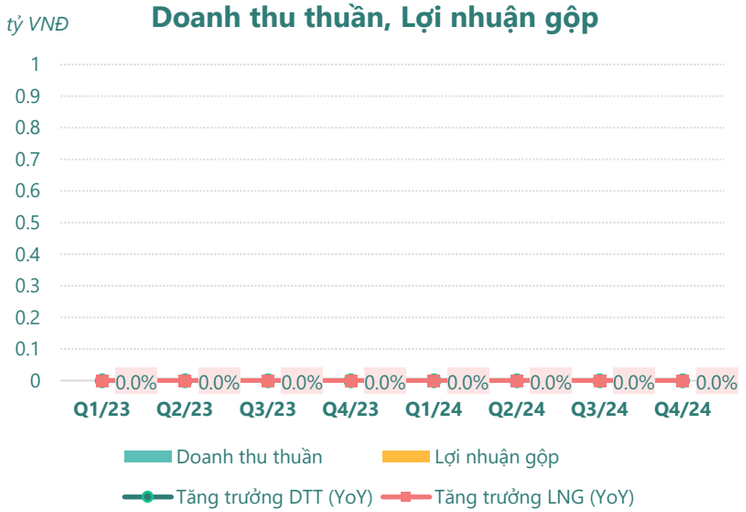


- Tổng Công ty Viglacera - CTCP
- Công ty TNHH Đầu tư NDH Việt Nam
- CTCP CSC Việt Nam
- Nguyễn Thị Hà (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

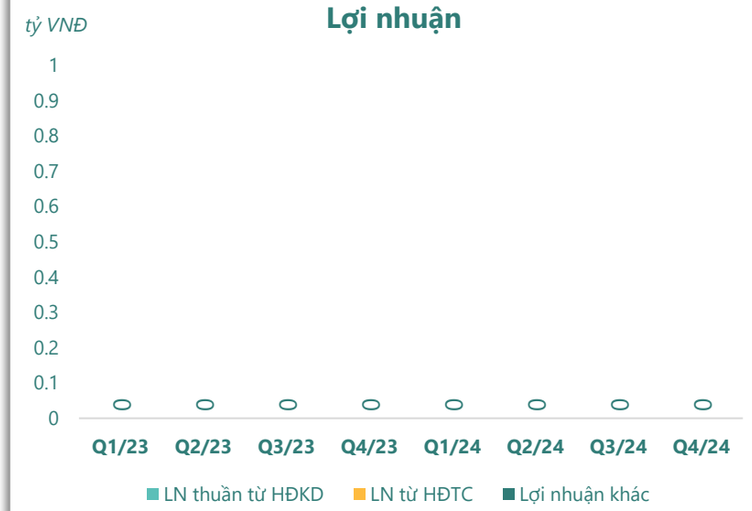
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



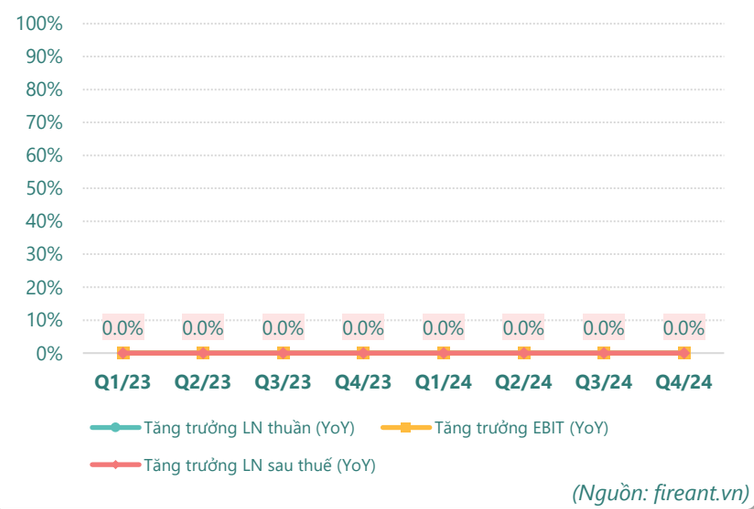
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



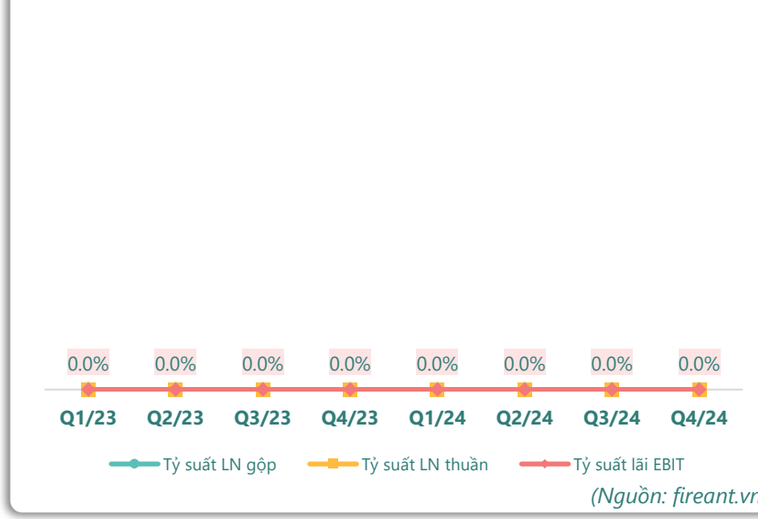
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



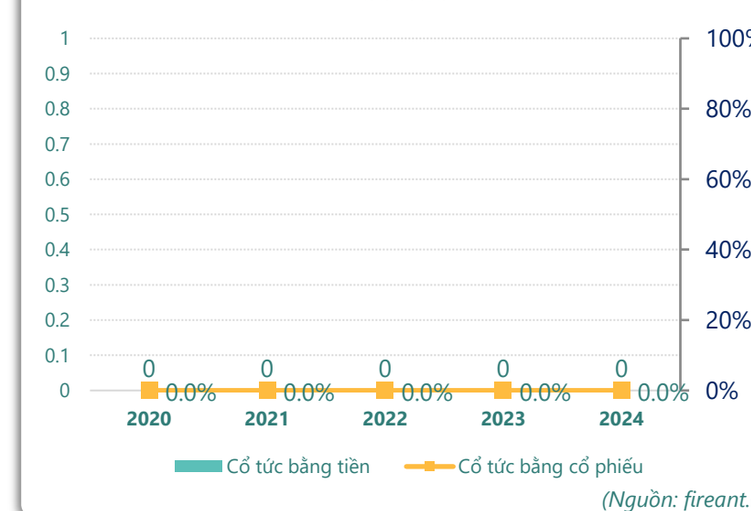
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

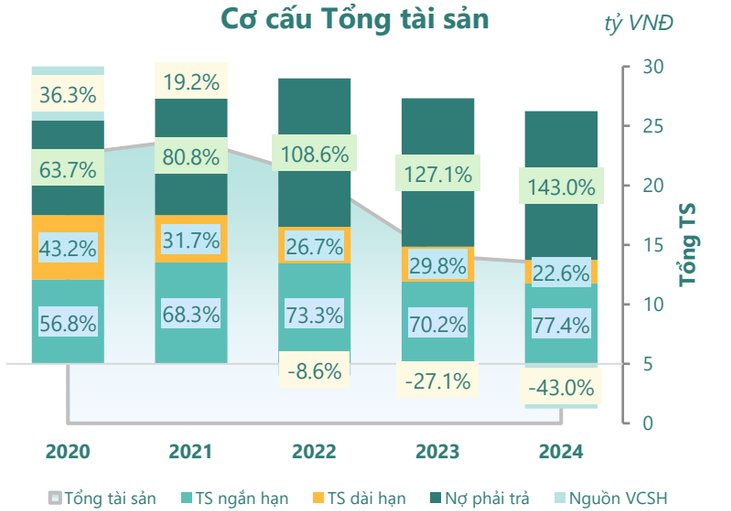
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

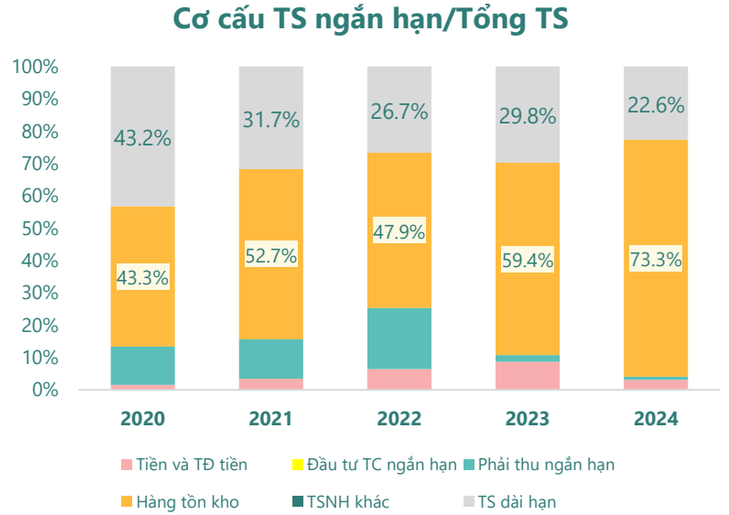
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



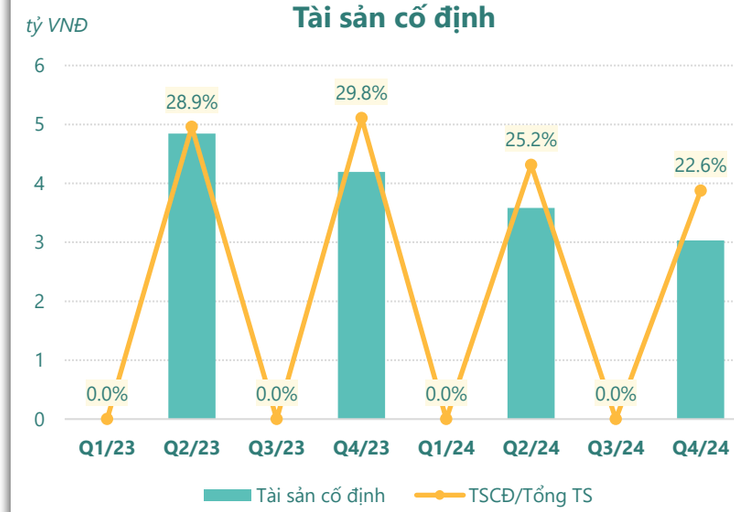
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



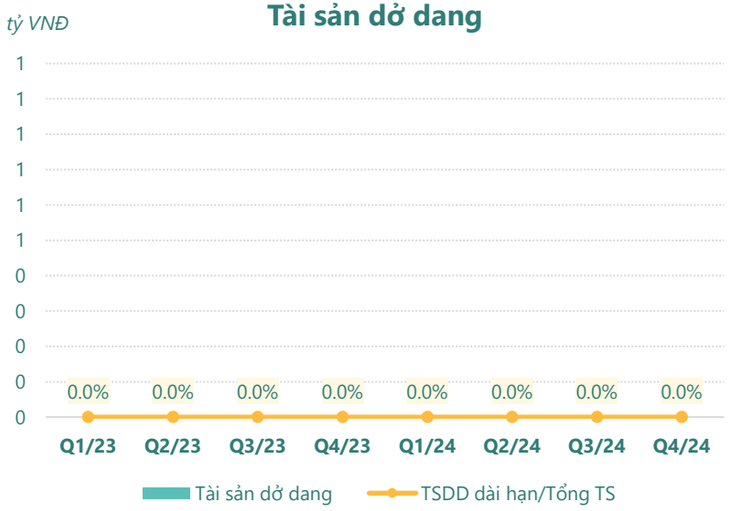
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



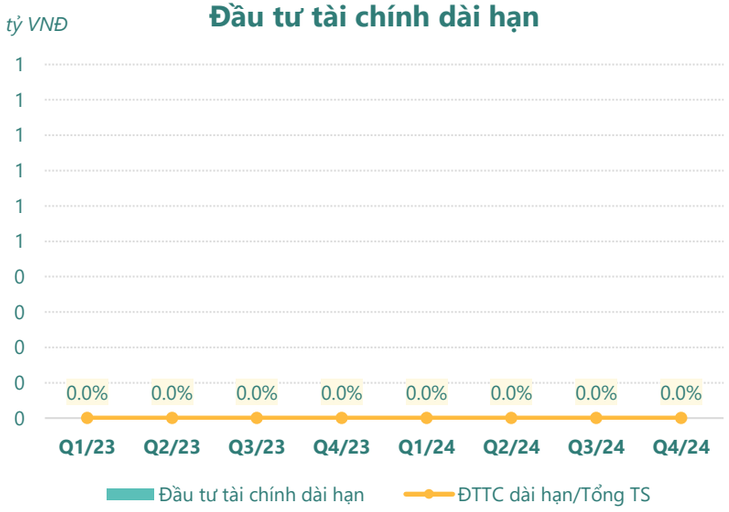
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



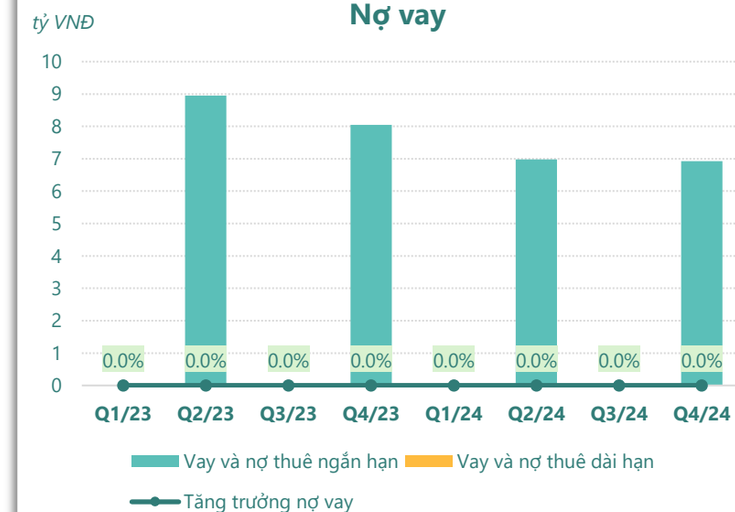
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

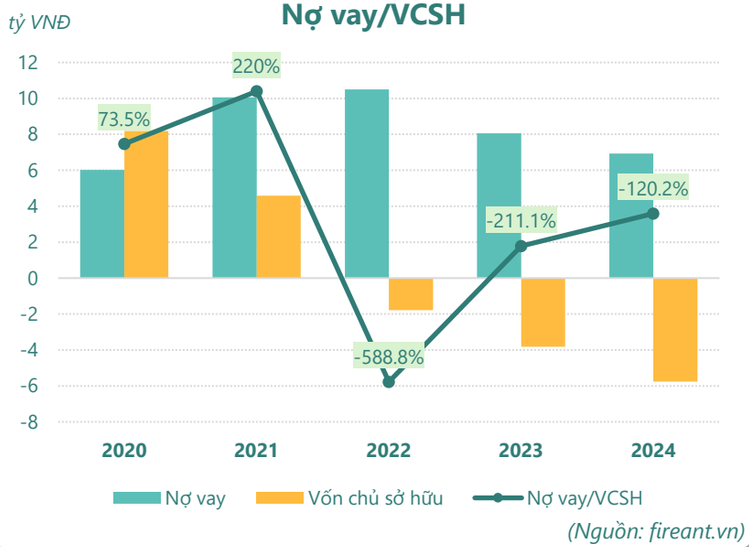
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

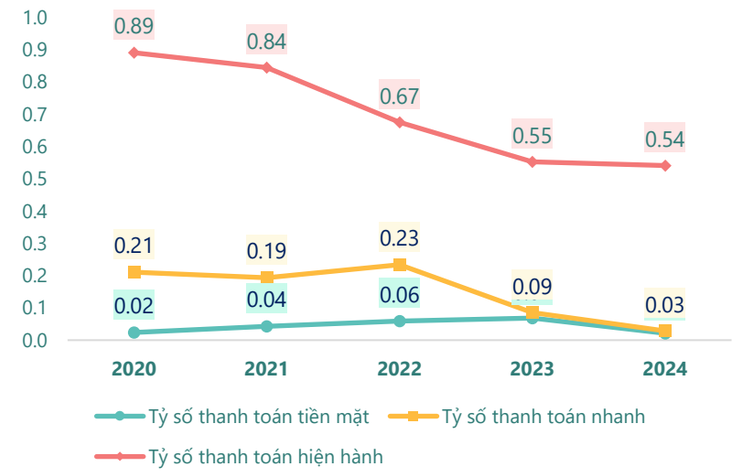
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



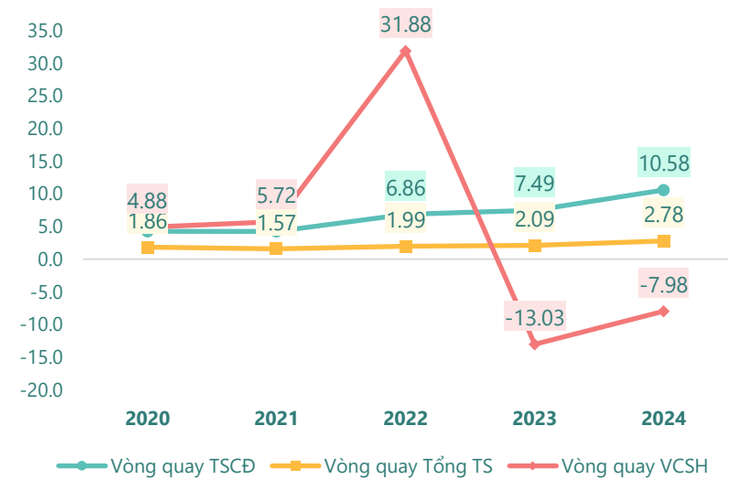
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



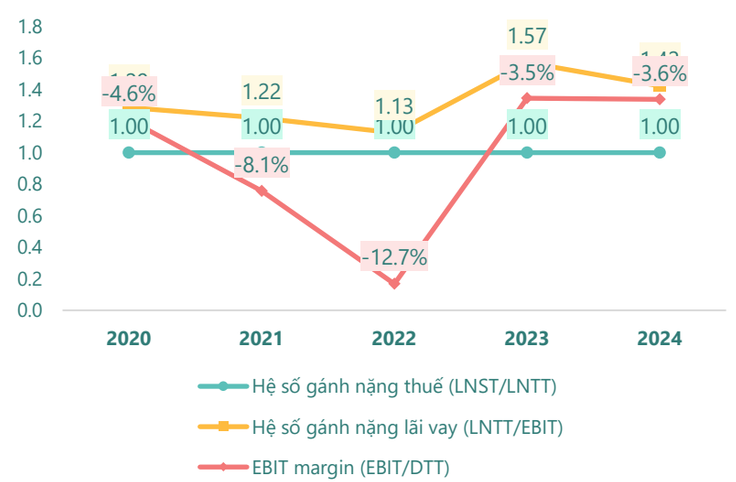
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



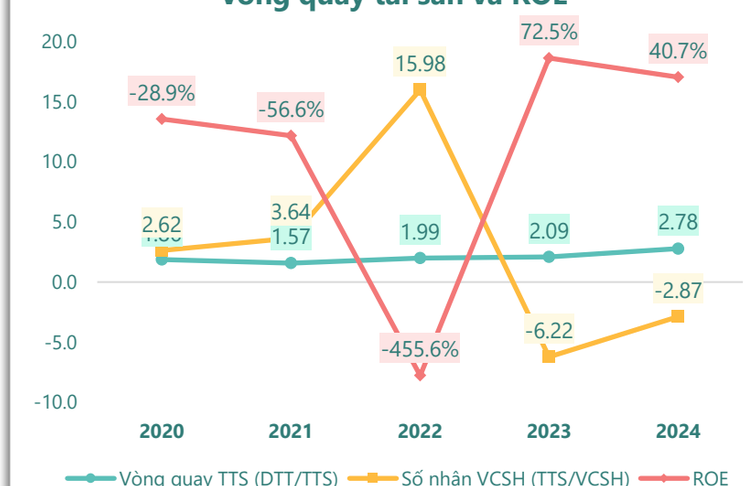
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



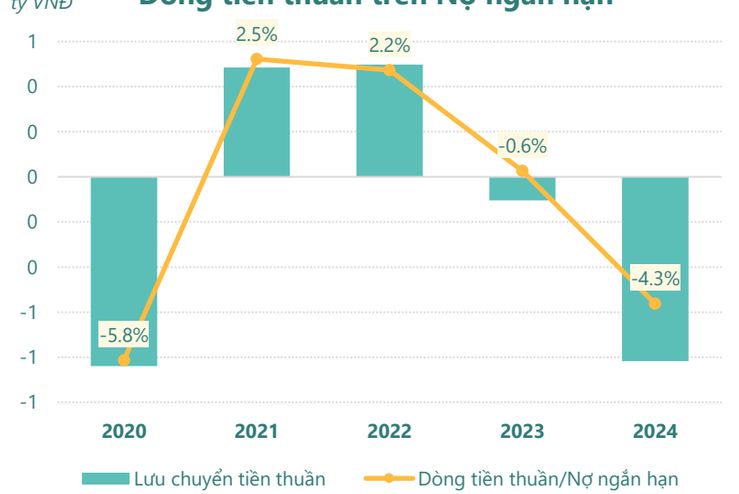
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				**38.2**	**36.5**	**4.8%**
Giá vốn hàng bán				34.5	31.3	10.2%
Lợi nhuận gộp				3.69	5.14	-28.1%
Doanh thu HĐTC				0.00	0.00	6.8%
Chi phí TC				0.58	0.74	-21.4%
Chi phí lãi vay				0.58	0.74	-21.4%
LN trong công ty LKLD				**0**	**0**	
Chi phí bán hàng				1.12	1.18	-5.4%
Chi phí QLDN				**4.37**	**6.97**	**-37.3%**
LN thuần từ HĐKD				-2.37	-3.75	36.7%
Lợi nhuận khác				**0.42**	**1.72**	**-75.5%**
LN trước thuế				-1.95	-2.03	3.8%
Lợi nhuận sau thuế				**-1.95**	**-2.03**	**3.8%**
LNST của CĐ cty mẹ				**-1.95**	**-2.03**	**3.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**13.4**	**14.1**	**-4.8%**
Tài sản ngắn hạn	10.4	9.89	4.9%
Tiền và tương đương tiền	0.41	1.22	-66.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.14	0.30	-51.9%
Hàng tồn kho	9.82	8.37	17.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**3.03**	**4.19**	**-27.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.03	4.19	-27.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	19.2	17.9	7.1%
Nợ ngắn hạn	**19.2**	**17.9**	**7.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.93	8.05	-13.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.99	4.26	64.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-5.76**	**-3.81**	**-51.2%**
Vốn chủ sở hữu	**-5.76**	**-3.81**	**-51.2%**
Vốn điều lệ	10.0	10.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)